

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỨC HÒA  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 233/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 20- 9 - 2019

V/v tranh chấp: Ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Dương Thị Tuyết Nhung.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trương Thị Kim Tiến;

2. Ông Nguyễn Chí Lin.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Kiều Thị Tùng Khương- là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

Ngày 20 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 703/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 241/2019/QĐXX-ST ngày 01/8/2019 và các quyết định hoãn phiên tòa giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Bà Võ Thị Kim T1**, sinh năm 1990. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp HB, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An;

2. *Bị đơn:* **Ông Lưu Đức T2**, sinh năm 1988. (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp HB, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và lời trình bày tại phiên tòa của nguyên đơn Bà Võ Thị Kim T1 thể hiện:*

Bà T1 và ông Lưu Đức T2 tiến đến hôn nhân và chung sống với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ vào ngày 12/12/2013. Trong thời gian chung sống phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, nguyên nhân do ông T2 không chăm lo làm ăn mà thường xuyên tụ tập bạn bè, đá gà, đi thâu đêm không về, không quan tâm vợ con và có biểu hiện sử dụng chất kích thích là ma túy. Nay bà xác định cuộc sống chung không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lưu Đức T2.

Về con chung: Quá trình chung sống, có 01 con chung tên Lưu Đức L, sinh ngày 21/3/2015. Khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông T2 cấp

đường. Hiện tại bà làm công nhân thu nhập 9.000.000 đồng/tháng có đủ điều kiện nuôi con, ông T2 không có nghề nghiệp nên không thể nuôi con tốt.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn ông Lưu Đức T2 đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt và không có ý kiến trình bày.*

*Các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp có trong hồ sơ vụ án: Bản tự khai của bà T1; Bản sao giấy khai sinh con chung; Giấy chứng nhận kết hôn giữa bà T1 và ông T2; Đơn xin xác nhận nơi cư trú; Bản sao sổ hộ khẩu và giấy chứng minh nhân dân.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Võ Thị Kim T1 nộp đơn khởi kiện ly hôn với ông Lưu Đức T2 có địa chỉ cư trú tại xã H, huyện Đ nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn Bà Võ Thị Kim T1 có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, căn cứ vào Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án trên thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Do đó Tòa án chỉ tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải

Về việc giải quyết vắng mặt đương sự: Bị đơn ông Lưu Đức T2 đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông T2 theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân:

Bà Võ Thị Kim T1 và ông Lưu Đức T2 tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 12/12/2013 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo lời trình bày của bà T1 do vợ chồng mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, gây gổ, ông T2 không chăm lo cho vợ con mà thường xuyên ăn chơi. Bị đơn ông T2 vắng mặt và không có ý kiến trình bày.

Ông T2 đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt tại phiên tòa, chứng tỏ ông T2 không còn quan tâm và không có thiện chí hàn gắn trong quan hệ hôn nhân, không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Ngược lại bà T1 xác định tình cảm vợ chồng với ông T2 không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc nên cương quyết yêu cầu ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T1 và ông T2 là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân của các bên không đạt được, nên căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T1.

Về con chung: Bà T1 và ông T2 có 01 con chung tên Lưu Đức L, sinh ngày 21/3/2015. Bà T1 yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông T2 cấp dưỡng. Xét, bị đơn ông T2 vắng mặt không có ý kiến trình bày điều đó chứng tỏ ông T2 không có quan tâm đến việc này. Căn cứ vào yêu cầu, ý kiến trình bày của bà T1, để nhằm bảo đảm điều kiện nuôi con tốt nhất, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T1, giao con chung cho bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng, ông T2 không phải cấp dưỡng do bà T1 không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Võ Thị Kim T1 trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn ông Lưu Đức T2 vắng mặt, không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau này có tranh chấp các bên được quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[4] Về án phí: Nguyên đơn Bà Võ Thị Kim T1 phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà T1 đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 207, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của Bà Võ Thị Kim T1.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Kim T1 được ly hôn với ông Lưu Đức T2.

Về con chung: Bà Võ Thị Kim T1 được trực tiếp nuôi con chung tên Lưu Đức L, sinh ngày 21/3/2015, giới tính: Nam. Ông Lưu Đức T2 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Lưu Đức T2 có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp ông T2 lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bà T1 có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bà T1 cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở ông T2 trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bà T1, ông T2, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Võ Thị Kim T1 phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà T1 đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003051 ngày 04/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa. Bà Võ Thị Kim T1 đã nộp đủ án phí.

Bà Võ Thị Kim T1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lưu Đức T2 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Các đương sự;
- UBND xã H, huyện Đ, tỉnh Long An (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Dương Thị Tuyết Nhung**